

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2023

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liễu Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Minh Thân;

Bà Lương Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Nam Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 01/2023/QĐ-TA ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mông Thị N1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Q, xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Linh Văn N2, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Q, xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mông Thị N1 trình bày: Chị và anh Linh Văn N2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Lạng

Son ngày 19/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn Q, xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Mông Thị N1 phát hiện anh Linh Văn N2 nghiện ma túy không tu chí làm ăn, hai người bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; thường xuyên cãi vã; chị đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ năm 2020 vợ chồng đã ly thân; năm 2022 anh Linh Văn N2 đi cai nghiện về, chị đã cho anh cơ hội nên Tết Nguyên đán năm 2023 chị trở về ăn Tết cùng gia đình, nhưng mối quan hệ vợ chồng không cải thiện được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Linh Văn N2.

Về con chung: Chị Mông Thị N1 và anh Linh Văn N2 có 01 con chung là Linh Đăng K, sinh ngày 07/6/2013; hiện nay đang ở với anh Linh Văn N2. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Linh Văn N2 trực tiếp nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi; chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; phương thức cấp dưỡng nuôi con theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Mông Thị N1 trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa chị Mông Thị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Linh Văn N2 trình bày: Anh và chị Mông Thị N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng, đến năm 2015 vợ chồng làm nhà ra ở riêng. Năm 2018, vợ chồng cùng nhau đi làm cho công ty ở Bắc Ninh, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường; đầu năm 2020 anh ở nhà làm gỗ, chị Mông Thị N1 vẫn đi làm công ty, ba tháng về nhà một lần và vẫn gửi tiền về nhà cho con. Năm 2020 anh đi cai nghiện tập trung đến năm 2022 cai nghiện xong về nhà, chị Mông Thị N1 vẫn đi làm tại công ty nên không gặp nhau chỉ thỉnh thoảng gọi điện trao đổi; Tết Nguyên đán năm 2023 chị Mông Thị N1 về, vợ chồng vẫn bình thường; đến ngày mừng 3 Tết chị Mông Thị N1 lại đi đến nay không về. Hiện nay anh đã không còn nghiện ma túy, đã quan tâm phát triển kinh tế đồi rừng; anh mong chị Mông Thị N1 cho anh một cơ hội để đoàn tụ; anh không đồng ý ly hôn.

Anh và chị Mông Thị N1 có 01 con chung là Linh Đăng K, sinh ngày 07/6/2013; hiện nay đang ở với anh. Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi; quá trình giải quyết anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh đồng ý chị Mông Thị N1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; phương thức cấp dưỡng nuôi con theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh không yêu cầu trả lãi đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu chậm trả.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Anh nhất trí với ý kiến chị Mông Văn N1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chưa thành niên: Tại bản trình bày ngày 15/02/2023 cháu Linh Đăng K có ý kiến: Hiện nay cháu đang ở với bố, nếu bố mẹ không ở cùng nhau, cháu mong muốn được ở với bố.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đại diện Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh Linh Văn N2 và chị Mông Thị N1 có một con chung là Linh Đăng K, hiện đang ở với anh Linh Văn N2; hai vợ chồng đã ly thân từ ngày 16/9/2020. Ý kiến của Trường tiểu học xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nơi cháu Linh Đăng K đang theo học cho biết: Cháu học lực bình thường; đối với tiền học phí và các chi phí khác do cháu tự mang đến nộp, khi thi kể là tiền bố cho và khi thi kể là mẹ cho; qua năm tâm tư nguyện vọng, cháu mong muốn được ở với bố. Theo thông tin nhà trường nắm được thì bố mẹ cháu không sống chung với nhau; gia đình cũng đã hòa giải nên Tết năm 2023 chị Mông Thị N1 có về ăn Tết cùng con, sau đó chị Mông Thị N1 đi làm không thấy về thăm con nữa.

Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 14/4/2023, anh Linh Văn N2 đến Tòa án nộp đơn Đề nghị đề ngày 08/4/2023, ghi tên người viết đơn là Linh Văn P với nội dung yêu cầu chị Mông Thị N1 trả cho ông và gia đình tiền chi phí đi lại, trâu cau cho nhà gái... với tổng số tiền là 120.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; ông cho rằng anh Linh Văn N2 đã đi cai nghiện, quan hệ giữa hai vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, đề nghị cho đoàn tụ. Ngày 17/4/2023, Tòa án đã có Thông báo số 471/TB-TA trả lời ông Linh Văn P.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Mông Thị N1 được ly hôn với anh Linh Văn N2; giao con chung là cháu Linh Đăng K cho anh Linh Văn N2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi; chị Mông Thị N1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng; thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi; chị Mông Thị N1 không phải trả lãi đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu chậm trả, do anh Linh Văn N2 không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Mông Thị N1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mông Thị N1 có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết ly hôn với anh Linh Văn N2 cư trú tại xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự viết bản tự khai; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các văn bản đều được tổng đạt hợp lệ cho đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Mông Thị N1 gửi đơn xin ly hôn với anh Linh Văn N2 và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mông Thị N1 và anh Linh Văn N2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 19/8/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau, chị Mông Thị N1 đi làm công ty tại Bắc Ninh thỉnh thoảng mới về nhà; Tết Nguyễn đán năm 2023 chị đã về nhà ăn tết, cho anh Linh Văn N2 cơ hội, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị Mông Thị N1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Linh Văn N2. Tại phiên tòa chị Mông Thị N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Linh Văn N2. Anh Linh Văn N2 cho rằng hiện nay anh đã cai nghiện, tu chí làm ăn và mong muốn chị Mông Thị N1 cho anh một cơ hội để đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, qua ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy: Từ năm 2020 đến nay, chị Mông Thị N1 và anh Linh Văn N2 đã sống ly thân; anh, chị không thường xuyên gặp nhau và chỉ thỉnh thoảng trao đổi qua điện thoại. Bản thân anh Linh Văn N2 mong muốn chị Mông Thị N1 cho anh một cơ hội, nhưng trong quá trình vợ chồng sống ly thân, đặc biệt từ tháng 5/2022 khi anh đi cai nghiện trở về đến nay, anh cũng không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, sau khi được Tòa án giải thích và hai bên gia đình hòa giải chị Mông Thị N1 đã về ăn Tết với gia đình, nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; anh, chị vẫn sống ly thân và không có tiếng nói chung. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Mông Thị N1 và anh Linh Văn N2 đã trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mông Thị N1, cho chị Mông Thị N1 được ly hôn với anh Linh Văn N2.

[5] Về con chung: Chị Mông Thị N1 và anh Linh Văn N2 có 01 con chung là Linh Đăng K, sinh ngày 07/6/2013, hiện nay đang ở với anh Linh Văn N2. Khi ly hôn, chị Mông Thị N1 yêu cầu anh Linh Văn N2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh Linh Văn N2 cũng đồng ý. Xét thấy, từ khi anh Linh Văn N2 và chị Mông Thị N1 ly thân đến nay, cháu Linh Đăng K ở với anh Linh Văn N2 và gia đình anh Linh Văn N2, được nuôi dưỡng, học tập đầy đủ, anh Linh Văn N2 có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng là nguyện vọng của cháu, nên chấp nhận yêu cầu, giao cháu Linh Đăng K cho anh Linh Văn N2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Mông Thị N1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng; thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu Linh Đăng K đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng theo tháng. Chị Mông Thị N1 không phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con nếu chậm trả do anh Linh Văn N2 không yêu cầu. Chị Mông Thị N1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Đối với ý kiến của ông Linh Văn P tại đơn đề nghị đề ngày 08/4/2023, xét thấy, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh Linh Văn N2 không có yêu cầu gì; Tòa án đã ra Thông báo số 471/TB-TA ngày 17/4/2023 trả lời cho ông Linh Văn P; nếu ông và anh Linh Văn N2 có yêu cầu có thể khởi kiện vụ án khác. Đối với đề nghị cho anh Linh Văn N2 và chị Mông Thị N1 đoàn tụ không có căn cứ.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Mông Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mông Thị N1, xử cho chị Mông Thị N1 được ly hôn với anh Linh Văn N2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Mông Thị N1 và anh Linh Văn N2 cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung là cháu Linh Đăng K, sinh ngày 07/6/2013 cho anh Linh Văn N2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Mông Thị N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

+ Chị Mông Thị N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Linh Đăng K với số tiền mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng; thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu Linh Đăng K đủ 18 tuổi.

+ Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng; chị Mông Thị N1 không phải trả lãi đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu chậm trả, do anh Linh Văn N2 không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Mông Thị N1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, để nộp vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền án phí chị Mông Thị N1 phải nộp là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Mông Thị N1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001945, ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chị Mông Thị N1 còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa (hoặc có mặt tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng), có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn (PKTNV&THA);
- VKSND H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. V, T.Lạng Sơn;
- UBND xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Liều Thị Hạnh